TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.7.2/TĐTKT-XNKDVTCNH | **Mã số thuế**

HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ CỦA NGÂN HÀNG, TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Năm 2016

(Áp dụng cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính)

1. Tên ngân hàng, tổ chức tài chính: .....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu) ……

Địa chỉ: ……..…… *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:……..……..

Huyện/quận *(thị xã, TP thuộc tỉnh)* ……...……..

Ngành SXKD chính:……..….

(VSIC 2007-Cấp 5)

2. Tổng số lao động thời điểm 31/12/2016: *Người*

3. Thu/chi dịch vụ với nước ngoài *(Xuất, nhập khẩu dịch vụ)*

(Chỉ bao gồm các khoản thu/chi của ngân hàng, tổ chức tín dụng với phía nước ngoài (cá nhân, tổ chức, đơn vị không thường trú của Việt Nam), không thống kê các khoản thanh toán hộ khách hàng)

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

	Mã số	Năm 2016	
		Xuất khẩu	Nhập khẩu
A	B	1	2
I. Dịch vụ tài chính, ngân hàng	**2600**		
II. Dịch vụ khác			
1. Dịch vụ bưu chính, viễn thông	2450	x	
2. Dịch vụ xây dựng ở Việt Nam	2510	x	
3. Phí bảo hiểm	2530	x	
4. Dịch vụ máy tính, thông tin	2620	x	
4.1. Dịch vụ máy tính	2630	x	
4.2. Dịch vụ thông tin	2640	x	
5. Phí bản/nhượng quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền	2660		
6. Dịch vụ kinh doanh khác	2680		
7. Dịch vụ cá nhân, văn hoá, giải trí	2870		
7.1 Dịch vụ giáo dục	8950		
7.2 Dịch vụ phục vụ cá nhân, văn hoá, giải trí khác	8970		

4. Thu/chi dịch vụ *(Xuất, nhập khẩu dịch vụ)* chia theo nước đối tác

Mã số dịch vụ *(ghi theo Câu 3 - cột B)*	Nước đối tác *(ghi theo nước cư trú của khách hàng nước ngoài)*	Mã nước *(Cơ quan Thống kê ghi)*	Năm 2016	
			Xuất khẩu	Nhập khẩu

Ghi chú: *Các ô đánh dấu (X): số liệu mục này không phát sinh*

Đối với các dịch vụ khác, chỉ thống kê các giao dịch có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên (tương đương 5.000 USD)